

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 26 - 7 - 2019.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyến - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị L**; sinh năm 1993; nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh-Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn X**; sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Hiện đang ở Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: Ông **Phạm Văn L**; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Đào Thị L trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn X kết hôn với nhau ngày 03/12/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ anh X tại thôn K, xã T, huyện G. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thống nhất được công việc hàng ngày, tính tình không hợp. Anh X luôn chửi bới, xúc phạm thậm chí đánh chị dẫn đến vợ chồng thường xảy ra va chạm. Mặt

khác chị xác định bản thân do tuổi còn trẻ không khéo léo nên không hợp với nếp sống trong gia đình nhà chồng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Anh X đi Đài Loan không thông báo cho chị biết nên chị không biết địa chỉ của anh X. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của anh chị không hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh X.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 23/5/2016, hiện đang ở với gia đình anh X. Nay chị xét thấy hiện cháu N vẫn đang được chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo đầy đủ về mọi mặt nên nay anh X có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con, chị hoàn toàn nhất trí.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Phạm Văn L (bố đẻ anh X) trình bày: Anh X và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T năm 2015. Sau ngày cưới, anh chị ở tại gia đình ông, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2016 anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính nết, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2017 đến nay, anh X và chị L không còn quan tâm đến nhau nữa. Cuối năm 2017, anh X đi lao động tại Đài Loan cho đến nay. Ông không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh X nhưng anh X vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông và gia đình. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh X biết về việc chị L xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh X không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể ở Đài Loan và do bận công việc nên anh X không trình bày quan điểm bằng văn bản gửi về cho Tòa án mà chỉ có ý kiến qua điện thoại như sau: Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, đã sống ly thân hơn 02 năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị L xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Về con chung: Anh X không đồng ý giao chị L nuôi con, mà có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ, ông và gia đình vẫn chăm sóc cháu Phạm Bảo N, anh X hàng tháng vẫn gửi tiền về để nhờ bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N giúp anh. Cháu N vẫn được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, hiện cháu được cho đi học mẫu giáo. Ông đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng.

- Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Anh Phạm Văn X đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu lần gần nhất số C1869664 ngày 15/6/2016; đã xuất cảnh nhiều lần, xuất cảnh lần gần nhất ngày 03/01/2018 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán cơ bản chấp hành đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán đã gửi đầy đủ các văn bản tố tụng, hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Người tham gia tố tụng cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử vụ án mới được 02 tháng 23 ngày, chưa đảm bảo thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự: "...phiên tòa phải được mở sớm nhất là 09 tháng và chậm nhất là 12 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án...". Mặc dù tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu Tòa án tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Nhưng Tòa án vẫn tiếp tục xét xử nên Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phạm Văn X là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh X vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã hai lần yêu cầu ông Phạm Văn L (là bố đẻ) cung cấp địa chỉ của anh X nhưng không có kết quả, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh X vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh X.

Nguyên đơn chị Đào Thị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị L và anh Phạm Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 03/12/2015. Do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, không thống nhất được công việc hàng ngày, tính tình không hợp. Bản thân chị L cũng thừa nhận không hợp với lối sống trong gia đình chồng. Do vậy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 7/2017, anh chị sống ly thân cho đến nay. Anh X đi lao động ở nước ngoài không thông báo cho chị L biết, hiện chị L không biết địa chỉ của anh X. Điều đó

thể hiện anh X và chị L không còn quan tâm đến nhau và cũng không tìm biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh X.

[3] Về con chung: Anh X và chị L có 01 con chung là Phạm Bảo N, sinh ngày 23/5/2016, hiện đang ở với gia đình anh X. Anh X ở nước ngoài vẫn gửi tiền về để nuôi con. Anh X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Phạm Văn L (là bố đẻ anh X) xác định ông cùng gia đình vẫn đang nuôi cháu N từ khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ. Cháu N được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và cho học mẫu giáo đầy đủ. Ông đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng, ông và gia đình sẽ giúp anh X nuôi dưỡng cháu N. Chị L xác định cháu N đang do ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo đầy đủ về mọi mặt nên chị hoàn toàn nhất trí để anh X được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Việc chị L và anh X thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con là phù hợp pháp luật. Mặt khác bố mẹ anh X hiện đang giúp anh X nuôi con và đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu N cho anh X và gia đình tiếp tục nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự giao con chung cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh X không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh X không có mặt ở Việt Nam nên tạm giao cháu Phạm Bảo N cho ông Phạm Văn L nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đào Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị L được ly hôn anh Phạm Văn X.
2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phạm Bảo N, sinh ngày 23/5/2016; chấp nhận sự tự nguyện của anh X không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Phạm Bảo N cho ông Phạm Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh X không có mặt tại Việt Nam.

Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị L phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

AA/2017/0007393 ngày 17/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh X đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Quyết